

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên độc lập	13
Báo cáo thu nhập giữa niên độ (Mẫu số B 01g – QM)	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 02g – QM)	16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ (Mẫu số B 03g – QM)	18
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ (Mẫu số B 04g – QM)	19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 05g – QM)	20
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 06g – QM)	22

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

THÔNG TIN CHUNG

**Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán
chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018

**Giấy chứng nhận Đăng ký lập
Quỹ đại chúng**

35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 4 năm 2019

Ban Đại diện Quỹ

Ông Trịnh Thanh Cần
Ông Nguyễn Trọng Đức
Bà Trần Việt Hương

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah,
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019

Ban Điều hành của Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2019. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 46. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF và quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Trịnh Thanh Cẩn
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (“QUỸ”)

1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ (NAV/CCQ) là tăng 0,55% so với NAV/CCQ của Quỹ tại ngày thành lập.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày Giao dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro thấp.

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 3 tháng 4 năm 2019.

1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 101.063.414.836 Đồng Việt Nam (“VND”), tương ứng với 10.051.088,93 chứng chỉ Quỹ.

1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỜ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỜ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Tại ngày 30/6/2019 %
1. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	40,11
2. Hợp đồng tiền gửi có kì hạn trên ba (3) tháng	39,43
3. Chứng chỉ tiền gửi	19,71
4. Tài sản khác	0,75
	<hr/> 100,00 <hr/>

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Tại ngày 30/6/2019
1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	101.063.414.836
2. Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (số lượng)	10.051.088,93
3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ")	10.054,97
4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	10.054,97
5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	9.997,36
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%)	0,57%
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	0,57%
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	-
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	-
12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	-
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,91%
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	64,79%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỜ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	0,55	2,27

2.4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Từ ngày 3/4/2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30/6/2019
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	0,55%

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng Tổng tăng trưởng quốc nội ("GDP"): GDP trong 6 tháng đầu năm ước tính tăng 6,76% YoY, thấp hơn cùng kì năm 2018 nhưng cao vượt trội so với tăng trưởng 6 tháng các năm từ 2011 – 2017. Việt Nam vẫn là nước có tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực. GDP tăng trưởng chậm lại qua các quý (6,71% so với 6,79%). Nguyên nhân chủ yếu là: về phía cung, ngành dịch vụ mặc dù dự địa tăng trưởng lớn nhưng 6 tháng đầu năm chỉ tăng trưởng thấp hơn GDP, nông nghiệp tăng trưởng yếu. Về phía cầu, tiến độ giải ngân đầu tư công và vốn ODA vẫn chậm, tăng trưởng xuất khẩu có xu hướng giảm mặc dù hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương ("CPTPP") đã có hiệu lực.

Lạm phát: Trong Quý I và đầu Quý II đã có nhiều đợt tăng giá xăng dầu liên tiếp tổng cộng lên đến gần 20% và tăng giá điện 8,36%. Tuy nhiên, bình quân lạm phát 6 tháng chỉ 2,64%, thấp nhất trong 3 năm gần đây. Nguyên nhân là do giá của một số mặt hàng thiết yếu và các mặt hàng thuộc quản lý của Nhà nước tăng chậm đã triệt tiêu phần nào tác động của tăng giá điện và xăng dầu. Tuy vậy, tác động "vòng 2" của việc tăng giá điện và xăng dầu vẫn còn đe dọa trong các quý sắp tới đặc biệt trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới có nhiều biến động mạnh. Dự báo lạm phát bình quân năm 2019 ở mức kiểm soát dưới 4,0% tạo tiền đề cho Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt.

Chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước nửa đầu năm 2019 vẫn xoay quanh hai mục tiêu ổn định tỉ giá và kiềm chế lạm phát.

Tỷ giá hối đoái: Sau khi giao dịch trong biên độ hẹp quanh ngưỡng 23.200 trong 4 tháng đầu năm, đồng Việt Nam ("VNĐ") biến động mạnh hơn trong tháng 5 với việc xác lập mức thấp mới là 23.419 trong bối cảnh căng thẳng thương mại leo thang với đồng Nhân dân tệ ("CNY") giảm mạnh so với đồng Đô la Mỹ ("USD"). Dù vậy, VNĐ đã ổn định trở lại và đang giao dịch ở ngưỡng 23.300 (+0,6% YTD) sau khi Ngân Hàng Nhà Nước chủ động điều tiết cung cầu ngoại tệ và nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ Đầu tư trực tiếp nước ngoài ("FDI") và Đầu tư gián tiếp nước ngoài ("FII").

Các điểm nhấn kinh tế khác trong 6 tháng đầu năm 2019

- Chỉ số quản lý thu mua ("PMI") sản xuất trở lại mức cao nhất kể từ đầu năm, đạt 52,5 điểm trong tháng 6.
- Xuất khẩu tăng tốc trong Quý 2 nhờ nhóm hàng công nghệ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

Thị trường chứng khoán:

Thị trường Chứng khoán Việt Nam và thế giới tăng điểm mạnh trong Quý I/2019 cả về giá trị và mức độ tăng điểm. Chỉ số VN-Index đạt đỉnh vào giữa tháng 3 sau đó đi vào giai đoạn suy giảm với thanh khoản thấp cho đến cuối Quý II. Kết thúc Quý II thị trường đóng cửa quanh mốc 950 điểm.

Thị trường Trái phiếu Chính phủ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm trải qua sự sụt giảm so với cuối năm 2018 về lợi suất do thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng. Điều này góp phần làm việc hấp thụ đầu giá trái phiếu thuận lợi hơn. Lợi suất Trái phiếu Chính phủ trên thị trường thứ cấp diễn biến cùng chiều với thị trường sơ cấp, với sự sụt giảm khoảng 30 – 80 bps so với thời điểm tháng 12/2018 trong đó mạnh nhất là kỳ hạn 1 năm.

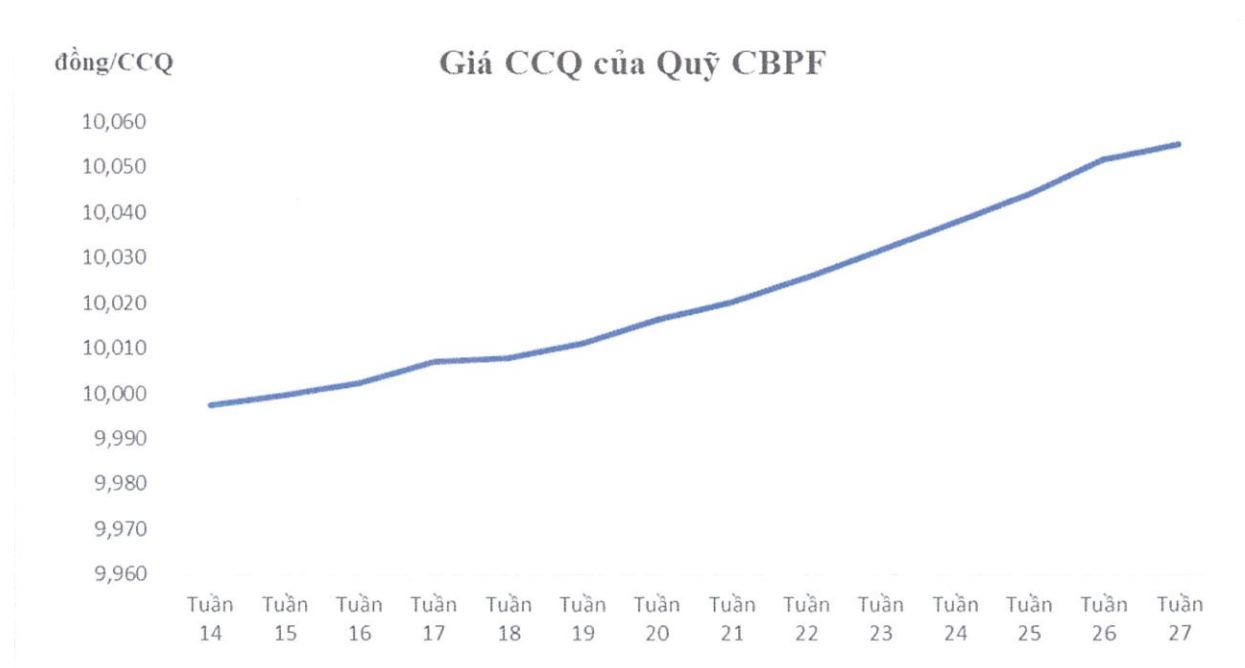
4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	0,57%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	0,57%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	2,27%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(**) Quỹ không có giá trị thị trường.



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Tại ngày 3/4/2019 (ngày thành lập Quỹ)	Tại ngày 30/6/2019	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	60.934.000.000	101.063.414.836	65,86%
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ (NAV/CCQ)	10.000,00	10.054,97	0,55%

Trong giai đoạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ là 0,55% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư. Ngoài ra, tăng trưởng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đạt 65,86% chủ yếu do nhà đầu tư mua ròng chứng chỉ Quỹ khiến cho Quỹ gia tăng quy mô vốn và tổng tài sản.

4.2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	129	56.399,09	0,56
Từ 5.000 – dưới 10.000	5	35.200	0,35
Từ 10.000 – dưới 50.000	0	0	0
Từ 50.000 – dưới 500.000	0	0	0
Trên 500.000	1	9.959.489,84	99,09
Tổng cộng	135	10.051.088,93	100,00

4.3 Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Khả năng nền kinh tế Việt Nam sẽ đón nhận những tin tức tích cực do các hiệp định FTA, CPTPP và EVFTA vừa ký kết mang lại, đặc biệt trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu và đầu tư. Thị trường chứng khoán cũng sẽ hồi phục trong nửa cuối năm trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô có nhiều điều kiện ổn định phát triển.

Chính sách tiền tệ trong 6 tháng đầu năm 2019 nhìn chung được điều hành nói lỏng hơn so với thời điểm 6 tháng cuối năm 2018 do áp lực đến từ tỷ giá và lạm phát đã giảm bớt. Và xu hướng này, được dự báo sẽ tiếp tục trong tương lai gần để thúc đẩy nền kinh tế. Do vậy, khả năng lợi suất Trái phiếu chính phủ và lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục xu hướng giảm và duy trì mức thấp như hiện tại.

Tuy vậy, tương tự như nhiều quốc gia trong khu vực, Việt Nam vẫn sẽ chịu rủi ro địa chính trị đặc biệt là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Biến động của thị trường trong giai đoạn nửa cuối năm 2019 vẫn được dự báo duy trì ở mức cao.

6 THÔNG TIN KHÁC

Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty	Kỹ sư	Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life. Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam. Từ 2012-nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam.
Bùi Thanh Hiệp	Phó chủ tịch Công ty	CPA	Từ 2001-2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam Từ 2005-2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam Từ 2010-2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN Từ 2011-2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam Từ 2012-2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam Từ 2018-nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam
Lê Thị Hồng Thái	Giám đốc Công ty	CFA	Từ 2007-2011: Quản lý thị trường Việt Nam-Bloomberg Singapore Từ 2011-2012: Chuyên viên đầu tư -Quỹ Pureheart Singapore. Từ 2012-2014: Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt nam. Từ 2014-nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)****6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****Ban đại diện Quỹ gồm có:**

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch	Cử nhân	Từ 2000-2002: Trợ lý nghiên cứu - Công ty Quản lý Quỹ Tower Mỹ. Từ 2002-2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings-Mỹ. Từ 2003-2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam. Từ 2005-2006: Giám đốc Quan hệ Khách hàng - Ngân hàng HSBC Việt Nam. Từ 2006-2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt. Từ 2007-2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt. Từ 2011-2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty chứng khoán HSC. Từ 2015-nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Nguyễn Trọng Đức	Thành viên	Thạc sỹ	Từ 1995-1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG. Từ 1999-2000: Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2000-2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2002-2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam Từ 2004- 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam Từ 2015- 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam Từ 6/2018- nay: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam
Trần Việt Hương	Thành viên	Luật sư	Từ 1995-1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC Từ 1998-2000: Tư vấn thuế & Đầu tư- Công ty Kiểm toán KPMG Từ 2000-2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC Từ 2003-2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới Từ 2006-2008: Phó Tổng giám đốc- Công ty CP An Gia Từ 2011-nay : Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir Từ 2010-nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Phạm Minh Thắng	Thành viên	CFA	Từ 2010-2011: Chuyên viên phân tích đầu tư -VPĐD Công ty Quản lý Quỹ Việt Nam Từ 2011-2012: Chuyên viên tài chính - Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam Từ 2012-2013: Chuyên viên Quản lý rủi ro- Ngân hàng TMCP Á Châu Từ 2013-nay: Phó phòng đầu tư - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life
Đinh Thị Hồng Anh	Thành viên	Thạc sỹ	Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn- Ngân hàng TMCP Á Châu Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư -Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam Từ 2014-nay: Chuyên viên đầu tư -Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/ Kế toán Quỹ
Ngày 14 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu mở rộng Chubb (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “Quỹ trái phiếu là quỹ mở đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 10 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 05 năm 2019, tổng giá trị đầu tư vào giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

Tại kỳ định giá ngày 29 tháng 05 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định tại Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ cho các sai lệch phát sinh từ kỳ định giá ngày 10 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 05 năm 2019.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, do số lượng tiền đặt mua chứng chỉ Quỹ lớn, tuy nhiên Công ty Quản lý Quỹ chưa kịp thời tiến hành đầu tư dẫn tới tổng giá trị đầu tư vào giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited

Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000

Fax: (84 24) 3837 8356

Swift: SCBLVNVX

Here for good



ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trương Thị Hoàng Yến

Nhân viên bộ phận Giám sát



Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax: (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLNVX

Here for good

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2019 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2019. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 15 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”)

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF và quỹ mở (“Thông tư 181/2015/TT-BTC”), Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183/2011/TT-BTC”), Thông tư 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 15/2016/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho giai đoạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2019 (ngày thành lập Quý) đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012, Thông tư 181/2015, Thông tư 183/2011, Thông tư 15/2016 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM8571
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

Mẫu số B 01g – QM

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến ngày 30/6/2019 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		796.821.918
03	1.2. Tiền lãi được nhận	5.1	796.821.918
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ		(449.380.082)
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở	8(i)	(138.950.357)
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ mở	5.2; 8(ii)	(34.033.333)
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát	8(ii)	(51.626.667)
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	8(ii)	(85.506.667)
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		(24.566.666)
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		(58.681.319)
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	5.3; 8(iii)	(56.015.073)
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		347.441.836
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		347.441.836
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	6.7	347.441.836
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	6.7	-
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)		-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		347.441.836



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/ Kế toán Quỹ
Ngày 14 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

Mẫu số B 02g – QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2019 VND
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	6.1	40.691.046.162
	<i>Trong đó:</i>		
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		40.691.046.162
120	2. Các khoản đầu tư thuần		60.000.000.000
121	2.1. Các khoản đầu tư	6.2	60.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu		758.246.576
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		758.246.576
136	3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6.3	758.246.576
100	TỔNG TÀI SẢN		101.449.292.738
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
313	3. Phải trả cho các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ về mua bán chứng chỉ Quỹ	8(i)	200.000.000
316	6. Chi phí phải trả	6.4	63.181.319
319	9. Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ	6.5	119.436.510
320	10. Phải trả, phải nộp khác		3.260.073
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		385.877.902

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

Mẫu số B 02g – QM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2019 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỜ	6.6	101.063.414.836
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư		100.510.889.300
412	1.1 Vốn góp phát hành	6.7	100.530.889.300
413	1.2 Vốn góp mua lại	6.7	(20.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư	6.7	205.083.700
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	6.7	347.441.836
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỜ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	6.7	10.054,97
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-
	VI. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ		
004	4. Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	6.6	10.051.088,93



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/ Kế toán Quỹ
Ngày 14 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

Mẫu số B 03g – QM

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

STT	Nội dung	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến ngày 30/6/2019 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu kỳ	60.934.000.000
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	347.441.836
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong giai đoạn	347.441.836
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ	39.781.973.000
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ	39.801.995.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ	(20.022.000)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	101.063.414.836
V	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại cuối kỳ	10.054,97

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/ Kế toán Quỹ
Ngày 14 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

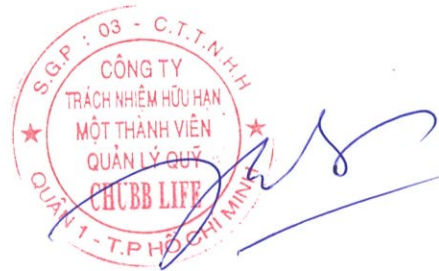
Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

STT	Chỉ tiêu	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	Các tài sản khác		
1	Lãi tiền gửi và các chứng chỉ tiền gửi chưa được nhận	758.246.576	0,75%
II	Tiền		
1	Tiền gửi ngân hàng	40.691.046.162	40,11%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba (3) tháng	40.000.000.000	39,43%
3	Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	19,71%
III	Tổng giá trị danh mục	101.449.292.738	100,00%



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/ Kế toán Quỹ
Ngày 14 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến ngày 30/6/2019 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		347.441.836
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		61.941.392
04	Chi phí trích trước		61.941.392
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		409.383.228
06	Tăng các khoản đầu tư	6.2	(60.000.000.000)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư	6.3	(758.246.576)
11	Tăng phải trả các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ	6.6; 8(i)	200.000.000
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		4.500.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	6.5	119.436.510
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(60.024.926.838)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	6.6	
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ		39.801.995.000
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ		(20.022.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		39.781.973.000
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(20.242.953.838)

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

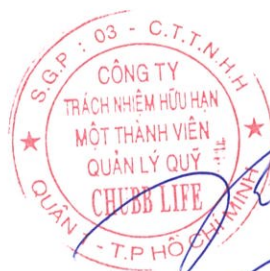
Mẫu số B 05g – QM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến ngày 30/6/2019 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	6.1	60.934.000.000
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		60.934.000.000
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		60.934.000.000
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	6.1	40.691.046.162
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		40.691.046.162
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		40.691.046.162
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(20.242.953.838)



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life
Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/ Kế toán Quỹ
Ngày 14 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

1.1 Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ Quỹ và Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ mở

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“Quỹ”) là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở được thành lập theo Giấy chứng nhận phát hành lần đầu ra công chúng 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 4 năm 2019. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian không xác định.

Điều lệ của Quỹ ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2018.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”).

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát của Quỹ.

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 4 năm 2019 là 60.934.000.000 đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 6.6.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ Tư hàng tuần và hàng tháng vào ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá sẽ được dời đến ngày định giá (là ngày làm việc) ở tuần kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Định giá lại cho mục đích tính giá trị tài sản ròng của Quỹ

Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với Thông tư 183/2011, Thông tư 15/2016 và Thông tư 181/2015 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
A. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	giá trị tiền gửi cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
B. Trái phiếu		
1.	Trái phiếu Chính phủ	<p>Giá yết (giá clean) trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).</p> <p>Trái phiếu có nhiều giao dịch trong một (01) ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân theo công thức:</p> <p style="text-align: center;">Tổng giá trị giao dịch/tổng khối lượng giao dịch</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá; - Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá <p>Ghi chú: Trong trường hợp trái phiếu có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá nhưng giá trái phiếu của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá trái phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (Discount Cashflow).</p>
2.	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương	<p>Giá yết (giá clean) trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).</p> <p>Trái phiếu có nhiều giao dịch trong một (01) ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân theo công thức:</p> <p style="text-align: center;">Tổng giá trị giao dịch/tổng khối lượng giao dịch</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, hoặc giá trái phiếu của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá; - Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
B. Trái phiếu (tiếp theo)		
3	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết thông thường	<p>Giá sạch (giá clean) tính từ giá yết (giá dirty) trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE), tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá.</p> <p>Trái phiếu có nhiều giao dịch trong một (01) ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân theo công thức: Tổng giá trị giao dịch/tổng khối lượng giao dịch</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, hoặc giá trái phiếu của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá; - Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá
4.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau (trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá; - Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá
C. Cổ phiếu		
1.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<p>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) là giá của kỳ báo giá gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; - Giá mua (giá cost); - Giá trị sổ sách (book value): được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
C. Cổ phiếu (tiếp theo)		
2.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá, giá cổ phiếu được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá; - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến (nhưng không bao gồm) ngày định giá; - Giá mua; - Giá trị sổ sách.
3	Cổ phiếu niêm yết bị chuyển sàn giao dịch chứng khoán	Giá cổ phiếu sẽ được xác định bằng thị giá cuối ngày tại Ngày Giao Dịch cuối cùng trước khi bị chuyển sàn.
4.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ xác định phương pháp định giá; - Giá trị sổ sách (book value): được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét. - Mệnh giá.
5.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ xác định phương pháp định giá; - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá
D. Chứng khoán phái sinh		
1.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất phương pháp định giá tùy thuộc vào từng hợp đồng cụ thể và phải được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
2.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp được Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
D. Chứng khoán phái sinh (tiếp theo)		
3.	Giá trị cam kết từ hợp đồng phái sinh	<p>a. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.</p> <p>b. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ; - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ; - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.
E. Các tài sản khác		
1.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ được thực hiện định kỳ một tuần một lần vào ngày thứ Tư hàng tuần. Trong trường hợp tăng tần suất giao dịch định kỳ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện công bố tại Bản cáo bạch và Bản cáo bạch tóm tắt và báo cáo để Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua; trong trường hợp giảm tần suất phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua theo quy định.

Phân phối thu nhập của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận thực hiện theo Điều lệ Quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh theo quy định tại điểm f khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo Phụ lục số 4 của Điều lệ quỹ;
- b) không được đầu tư vào quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- c) không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- d) không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ;
- e) tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
- f) không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- g) không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và
- h) Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trở lên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)****1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)*****Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g khoản 1 Điều 11 Điều lệ Quỹ, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 11 Điều lệ Quỹ và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c) do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
- d) do hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- e) do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Điều lệ Quỹ trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đơn vị Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019****3 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF và quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183/2011”), Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198/2012, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua chứng chỉ Quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính theo Thông tư 198/2012 theo giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tài chính.

Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Đại diện Quỹ đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến các khoản phải thu được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động phát hành chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.7 Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần phát hành bổ sung sau ngày thành lập. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ Quỹ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ sau ngày thành lập. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối”.

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012 không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền lãi được nhận

	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến ngày 30/6/2019 VND
Tiền lãi đã nhận	38.575.342
Dự thu tiền lãi	758.246.576
	<u>796.821.918</u>

5.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ mở

	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến ngày 30/6/2019 VND
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản (Thuyết minh 8(ii))	33.733.333
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 8(ii))	300.000
	<u>34.033.333</u>

5.3 Chi phí hoạt động khác

	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến ngày 30/6/2019 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(iii))	45.000.000
Phí quản lý thường niên trả cho UBCKNN	3.260.073
Phí ngân hàng (Thuyết minh 8(ii))	7.755.000
	<u>56.015.073</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

Tại ngày
30/6/2019
VND

Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	40.691.046.162
	<u>40.691.046.162</u>

6.2 Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	<u>60.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>60.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.3 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	Tại ngày 30/6/2019 VND
Phải thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	758.246.576

6.4 Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/6/2019 VND
Phí kiểm toán	58.681.319
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(iii))	4.500.000
	<u>63.181.319</u>

6.5 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ

	Tại ngày 30/6/2019 VND
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	
Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 8(i))	50.186.510
Phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (Thuyết minh 8(ii))	
Phí lưu ký Quỹ	11.500.000
Phí giám sát Quỹ	17.600.000
Phí quản trị Quỹ	29.150.000
	<u>58.250.000</u>
Phải trả cho đại lý chuyển nhượng	
Phí đại lý chuyển nhượng	11.000.000
	<u>119.436.510</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.6 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Đơn vị	Số dư tại ngày 3/4/2019 (ngày thành lập Quỹ)	Phát sinh trong kỳ	Số dư tại ngày 30/6/2019
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	6.093.400,00	3.959.688,93	10.053.088,93
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	60.934.000.000	39.596.889.300	100.530.889.300
Thặng dư vốn	VND	-	205.105.700	205.105.700
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ	VND	60.934.000.000	39.801.995.000	100.735.995.000
Vốn góp mua lại				
Số lượng	CCQ	-	(2.000,00)	(2.000,00)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại của nhà đầu tư	VND	-	(22.000)	(22.000)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ	VND	-	(20.022.000)	(20.022.000)
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	60.934.000.000	39.781.973.000	100.715.973.000
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	-	347.441.836	347.441.836
NAV hiện hành	VND	60.934.000.000	40.129.414.836	101.063.414.836
Số lượng chứng chỉ Quỹ hiện hành	CCQ	6.093.400,00	3.957.688,93	10.051.088,93
NAV hiện hành/ 1 chứng chỉ Quỹ	VND/CCQ	10.000,00		10.054,97

6.7 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số dư tại ngày 30/6/2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	347.441.836
Lợi nhuận chưa thực hiện	-
Lợi nhuận chưa phân phối	347.441.836

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (“NAV”)

STT	Ngày tính NAV	Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30/6/2019			
		NAV VND	Số lượng chứng chỉ Quỹ ("CCQ")	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
1	03/04/2019	60.934.000.000	6.093.400,00	10.000,00	-
2	09/04/2019	60.917.933.984	6.093.400,00	9.997,36	(2,64)
3	16/04/2019	60.931.304.016	6.093.400,00	9.999,56	2,20
4	23/04/2019	60.948.685.430	6.093.400,00	10.002,41	2,85
5	30/04/2019	60.977.343.885	6.093.499,47	10.006,95	4,54
6	01/05/2019	60.982.001.766	6.093.499,47	10.007,71	0,76
7	07/05/2019	61.002.032.624	6.093.499,47	10.011,00	3,29
8	14/05/2019	61.013.840.933	6.091.499,47	10.016,23	5,23
9	21/05/2019	61.037.994.571	6.091.499,47	10.020,19	3,96
10	28/05/2019	61.070.618.605	6.091.499,47	10.025,55	5,36
11	31/05/2019	61.086.803.172	6.091.499,47	10.028,20	2,65
12	04/06/2019	61.108.017.775	6.091.499,47	10.031,69	3,49
13	11/06/2019	61.145.135.141	6.091.499,47	10.037,78	6,09
14	18/06/2019	61.183.218.430	6.091.599,09	10.043,87	6,09
15	25/06/2019	61.231.549.646	6.091.599,09	10.051,80	7,93
16	30/06/2019	101.063.414.836	10.051.088,93	10.054,97	3,17
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		63.294.462.076			
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ trong kỳ mức cao nhất					7,93
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ trong kỳ thấp nhất					0,76

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

i) Công ty Quản lý Quỹ

**Giai đoạn từ ngày 3/4/2019 đến
ngày 30/6/2019
VND**

Giao dịch giai đoạn

Phí quản lý Quỹ trong giai đoạn	138.950.357
Phí phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ trong giai đoạn	200.205.220

Số dư cuối giai đoạn

Phí quản lý Quỹ phải trả cuối giai đoạn	50.186.510
Phí phát hành Chứng chỉ quỹ phải trả cuối giai đoạn	200.000.000

Phí quản lý Quỹ được tính hàng tuần dựa trên số ngày thực tế trong giai đoạn định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ phí quản lý Quỹ hàng năm là 0,9% của giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Pháp luật.

*ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“Standard Chartered”),
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký*

**Giai đoạn từ ngày 3/4/2019
đến ngày 30/6/2019
VND**

Giao dịch trong giai đoạn

Phí dịch vụ lưu ký Quỹ (*)	33.733.333
Phí giám sát Quỹ (*)	51.626.667
Phí quản trị Quỹ (*)	85.506.667
Phí giao dịch Quỹ	300.000
Phí ngân hàng	7.755.000

Số dư cuối giai đoạn

Tiền gửi ngân hàng cuối giai đoạn	40.691.046.162
Phí dịch vụ phải trả cuối giai đoạn (Thuyết minh 6.5)	58.250.000

(*) Các phí này được tính hàng tuần dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá. Giá dịch vụ giám sát Quỹ và dịch vụ quản trị Quỹ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất 10%.

Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ trong kỳ lần lượt như sau:

Giá dịch vụ	% giá dịch vụ/NAV	Mức tối thiểu
Giá dịch vụ lưu ký Quỹ	0,05%	11 triệu 500 Đồng/tháng
Giá dịch vụ giám sát Quỹ	0,03%	16 triệu Đồng/tháng
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	0,04%	26 triệu 500 Đồng/tháng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

iii) Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ

**Giai đoạn từ ngày
3/4/2019 đến ngày
30/6/2019
VND**

Giao dịch trong giai đoạn

Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ 45.000.000

Số dư cuối giai đoạn

Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ phải trả cuối giai đoạn 4.500.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

**Giai đoạn từ ngày
3/4/2019 đến ngày
30/6/2019
VND**

I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư

1	Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,90%
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,56%
3	Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong giai đoạn (%)	0,71%
4	Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,38%
5	Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,29%
6	Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	2,91%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	64,79%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày
3/4/2019 đến ngày
30/6/2019
VND

II	Các chỉ tiêu khác	
1	Quy mô Quỹ đầu giai đoạn (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)	
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	60.934.000.000
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	6.093.400,00
2	Thay đổi quy mô Quỹ trong giai đoạn (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)	
	Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	3.959.688,93
	Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	39.596.889.300
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(2.000,00)
	Giá trị vốn góp mua lại trong giai đoạn khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(20.000.000)
3	Quy mô Quỹ cuối giai đoạn (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)	
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	100.510.889.300
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	10.051.088,93
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ	99,16%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	99,56%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	99,09%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	135
8	NAV/ đơn vị quỹ cuối kỳ	10.054,97

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019****10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và tiền gửi ngân hàng. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng ngày. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quý có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại chứng chỉ Quỹ từ các nhà đầu tư.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tất cả các khoản nợ phải trả của Quý có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quý như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng của Quý đều hưởng lãi suất cố định.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính của Quý bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền;
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng;
- Chứng chỉ tiền gửi;

Nợ phải trả tài chính của Quý là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quý hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quý.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư 210 cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012, Thông tư 181/2015, Thông tư 183/2011, Thông tư 15/2016 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Do đó, Quý áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Thông tư 183/2011, Thông tư 15/2016, Điều lệ Quý và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quý phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày 30/6/2019 VND	Giá trị hợp lý tại ngày 30/6/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	40.691.046.162	40.691.046.162
Các khoản đầu tư thuần	60.000.000.000	60.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	20.000.000.000
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	758.246.576	758.246.576
- Phải thu tiền lãi các khoản đầu tư	758.246.576	758.246.576
Tổng cộng	101.449.292.738	101.449.292.738
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	200.000.000	200.000.000
Chi phí phải trả (Thuyết minh 6.4)	63.181.319	63.181.319
Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ (Thuyết minh 6.5)	119.436.510	119.436.510
Phải trả, phải nộp khác	3.260.073	3.260.073
Tổng cộng	385.877.902	385.877.902

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 3 THÁNG 4 NĂM 2019
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

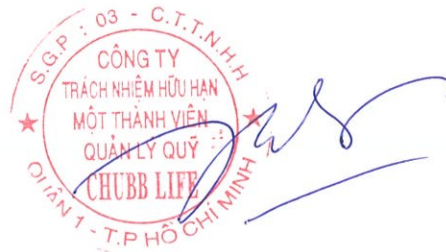
Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

12 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 3 tháng 4 năm 2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2019.



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life
Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/ Kế toán Quỹ
Ngày 14 tháng 8 năm 2019



S.G.P : 03 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
CHUBB LIFE
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH



T.I.N.H.H
H

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty
Ngày 14 tháng 8 năm 2019